



CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NGHỆ AN

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

VINH 05 NĂM 2013



GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

*****&📖*****

1. Công ty *Cổ phần thương mại Nghệ an* được gọi tắt trong Điều lệ này là Công ty.

2. *Góp vốn* là việc đưa tài sản vào Công ty để trở thành chủ sở hữu chung của Công ty.

3. *Vốn điều lệ* là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ Công ty.

4. *Cổ phiếu* là chứng khoán phát hành dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp người sở hữu Cổ phiếu đối với tài sản hoặc vốn của Công ty cổ phần.

5. *Cổ tức* là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

6. *Cổ đông* là nhà đầu tư (có thể là cá nhân hoặc tổ chức) sở hữu cổ phần chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ khác của Doanh nghiệp trong phạm vi vốn góp.

7. *Thành viên sáng lập* là người tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty và sở hữu số lượng cổ phần tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty;

Cổ đông sáng lập là thành viên sáng lập Công ty.

8. *Người quản lý Doanh nghiệp* là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc công ty, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng ban, Phó trưởng phòng ban Công ty; Giám đốc, Phó giám đốc và Tổ trưởng kế toán các đơn vị trực thuộc.

9. *Người có liên quan* là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người quản lý Doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra Quyết định, hoạt động của Doanh nghiệp thông qua cơ quan Quản lý Doanh nghiệp;
- Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra Quyết định của Công ty;
- Vợ, chồng, bố, mẹ, bố mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Người quản lý Doanh nghiệp, thành viên Công ty, Cổ đông có cổ phần chi phối.

10. *Cụm từ viết tắt:*

- + ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông
- + HĐQT: Hội đồng quản trị
- + GĐĐH: Giám đốc điều hành
- + BKS: Ban kiểm soát



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGHỆ AN

Chương I

TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính:

Tên: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NGHỆ AN**
Tên tiếng anh: **NGHE AN TRADING JOINT-STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **NATRACO**
Trụ sở đăng ký của Công ty:
+ Địa chỉ: Số 19 Quang Trung - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An.
+ Điện thoại: 038/3586886; 3586898; 3588064; Fax: 0383. 844517
+ Email: natradimex@hn.vnn.vn; <http://www.natraco.vn>

Điều 2. Các phòng ban, đơn vị trực thuộc:

Công ty có thể thành lập các Xí nghiệp trực thuộc; Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của Công ty theo quy định của Điều lệ này và luật pháp hiện hành.

Điều 3. Thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ an có tư cách pháp nhân theo luật định và bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty chấm dứt hoạt động theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm dân sự đối với các hoạt động kinh doanh trước pháp luật trong phạm vi vốn của Doanh nghiệp.

Quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và mọi quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

Chương II

MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH; QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ
CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu của Công ty

Công ty cổ phần Thương mại Nghệ An là doanh nghiệp đa sở hữu, được thành lập nhằm huy động, sử dụng vốn và lao động có hiệu quả; kinh doanh vì lợi nhuận trên



cơ sở phát huy vai trò làm chủ, tăng cường sự giám sát của các Cổ đông trong việc quản lý doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao thu nhập của người lao động và tăng cổ tức cho các cổ đông.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

1. Sản xuất- chế biến - mua bán hàng: nông, lâm, hải sản, lương thực, thức ăn gia súc, thủ công mỹ nghệ và hàng tiêu dùng;
2. Khai thác, chế biến mua bán khoáng sản.
3. Dịch vụ cho thuê kho bãi, giao nhận hàng hoá.
4. Kinh doanh khách sạn du lịch, lễ hành, ăn uống, vật lý trị liệu, karaoke.
5. Vận tải hành khách bằng taxi, ô tô buýt.
6. Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa mua bán xe ô tô và xe 2 bánh gắn máy.
7. Mua bán thiết bị, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng, vật tư các loại
8. Xây dựng nhà cửa dân dụng và công nghiệp làm đường giao thông, cầu cống, thủy lợi và hạ tầng cơ sở;
9. Kinh doanh bất động sản.
10. Đào tạo định hướng cho lao động xuất khẩu. Tư vấn, cung ứng lao động xuất khẩu.
11. Gia công cơ khí, máy móc, thiết bị công nông lâm nghiệp.
12. Dịch vụ đấu giá tài sản.

Căn cứ đặc điểm tình hình của thị trường, theo quy định của Pháp luật Công ty được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành, nghề khác mà luật pháp không cấm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Tổ chức chính trị xã hội của Công ty

Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đảm bảo và tạo mọi điều kiện cho tổ chức Đảng và các đoàn thể xã hội trong Công ty hoạt động thuận lợi theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác; mở rộng quy mô, ngành nghề kinh doanh.
3. Tự chủ kinh doanh, tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; chủ động áp dụng phương thức quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh tiên tiến để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn.
5. Tuyển, chọn, thuê và bố trí, sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Từ chối yêu cầu cung cấp các nguồn lực (tài chính và lao động) không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, trừ trường hợp tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.



Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
3. Đăng ký, kê khai, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký.
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của Công ty với các cơ quan theo quy định của Pháp luật; nếu phát hiện có sai sót thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó.
6. Có trách nhiệm thừa kế mọi nghĩa vụ đối với người lao động từ DNNN chuyển sang Công ty cổ phần; sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động có tại thời điểm cổ phần hoá. Giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Nghị định 41/CP-2002 của Chính phủ và theo quy định hiện hành của Bộ luật Lao động.
7. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo Bộ luật lao động.
8. Kế thừa mọi quyền lợi; nghĩa vụ; trách nhiệm của DNNN trước khi cổ phần hóa.
9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Chương III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

- Điều 9. Vốn Điều lệ:** **66.945.800.000 đồng, bao gồm:**
- + Vốn Nhà nước: 59.742.200.000 đồng, chiếm tỷ lệ: 89,24 %.
 - + Vốn của các cổ đông khác: 7.203.600.000 đồng, chiếm tỷ lệ: 10,76 %.

Điều 10. Cơ cấu cổ phần

Vốn Điều lệ ban đầu được chia làm: **669.458 cổ phần**

Mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng;

Cơ cấu vốn của Công ty:

1. Cổ phần của Nhà nước: 597.422 cổ phần.

2. Cổ phần ưu đãi về giá: 21.875 cổ phần.

(trong đó cổ phần chậm trả: 3.580 cổ phần)

3. Cổ phần phổ thông: 50.161 cổ phần

4. Cổ phần ưu đãi khác: Công ty sẽ phát hành Cổ phần ưu đãi khác khi cần theo quyết định của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Vốn cổ phần có thể đóng góp bằng tiền Việt nam, ngoại tệ, tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoại tệ, vàng được quy đổi ra tiền Việt nam theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước công bố. Phần vốn góp bằng hiện vật phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



Điều 11. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào Điều lệ thành lập Công ty.

Điều 12. Cổ phần phổ thông phát hành những lần tiếp theo sẽ được ưu tiên chào bán trước cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông sở hữu lần đầu. Công ty thông báo trước 30 ngày số cổ phần được chào bán. Số cổ phần mà cổ đông không mua hết thì HĐQT có thể bán rộng rãi cho các đối tượng khác với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn khi đã chào bán cho các cổ đông.

Điều 13: Phát hành cổ phiếu và trái phiếu.

1. Công ty có thể phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng phải có Giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu, nếu người sở hữu trái phiếu mua cổ phần phù hợp quy định của pháp luật về Chứng khoán.

Điều 14. Cổ phiếu.

1. Cổ phiếu Công ty gồm các mệnh giá sau: 100.000; 200.000; 500.000 đồng; 1 triệu; 2 triệu; 5 triệu; 10 triệu; 20 triệu; 50 triệu và 100 triệu đồng VN.

2. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính, có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và dấu của Công ty là hợp lệ và được ghi trong **Sổ đăng ký Cổ đông**. Cổ phần của Nhà nước được ghi tên vào sổ Đăng ký cổ đông, không phát hành Cổ phiếu.

3. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu không ghi tên.

4. Các cổ đông sau khi đăng ký và nộp tiền mua cổ phần được ghi tên vào **SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG** của Công ty và được cấp Cổ phiếu bằng số cổ phần đã mua.

5. Trong các lần phát hành cổ phần tiếp theo thì giá bán không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu, phần chênh lệch này được hạch toán vào quỹ dự phòng và bổ sung vào vốn Điều lệ theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cổ phần phát hành các đợt tiếp theo được bán ưu tiên theo thứ tự :

a. Người lao động trong Công ty.

b. Nhà đầu tư có tiềm năng về tài chính, công nghệ, thị trường |

7. Cổ phần đã được bán hoặc đã chuyển nhượng *ghi đúng và đủ* tên Cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần thì người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty:

Điều 15. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng, kể cả cổ phiếu ưu đãi.

2. Cổ phiếu của các cán bộ quản lý không được chuyển nhượng trong thời gian đương chức (trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng quản trị)



3. Cổ phiếu trả chậm chỉ được mua bán chuyển nhượng khi đã trả xong nợ cho Nhà nước.

4. Nếu Cổ đông qua đời, Công ty chuyển cổ phần cho người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế hợp pháp theo Bộ Luật dân sự. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử đại diện hợp pháp duy nhất dưới hình thức uỷ quyền. Người thừa kế đồng thời phải nhận nợ nếu cổ phần trả chậm chưa thanh toán hết nợ, nếu không lập tức cổ phần sẽ bị thu hồi.

5. Trong vòng 30 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông không được mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu.

Điều 16. Chào bán Cổ phần:

Hội đồng quản trị ra quyết định chào bán Cổ phần phổ thông. Giá chào bán cổ phần phổ thông không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:

1. Chào bán lần đầu sau khi đăng ký kinh doanh.
2. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có.

Điều 17. Cấp lại cổ phiếu.

Cổ phiếu bị rách, mờ, bị cháy, bị tiêu huỷ hoặc bị mất cổ đông phải báo ngay cho Công ty sau khi xác định đủ cơ sở được cấp lại cổ phiếu mới nhưng phải trả phí do Công ty quy định.

Người sở hữu cổ phiếu phải tự bảo quản cẩn thận, nếu mất phải báo ngay cho Công ty để xử lý và phải trả chi phí do Công ty quy định khi được cấp lại. Công ty không chịu trách nhiệm nếu cổ phiếu không ghi tên bị người khác lợi dụng.

Chương IV **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG**

Điều 18. Quyền hạn của cổ đông

Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Cổ đông được giới hạn trong phạm vi số lượng cổ phần cổ đông nắm giữ.

Mỗi nhóm cổ đông có thể cử một người làm đại diện, khi được sự nhất trí của tất cả các cổ đông trong nhóm bằng văn bản “Đại diện theo uỷ quyền”.

Quyền hạn của cổ đông phổ thông:

1. Tham dự, phát biểu trong tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình thì không có quyền biểu quyết việc chuyển nhượng đó.

2. Nhận cổ tức.



3. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của Cổ đông trong Công ty.

4. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu của mình, trừ những cổ đông chưa được chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này.

5. Khi Công ty giải thể được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, sau khi Công ty thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác.

6. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều lệ này.

7. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông dự họp và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

8. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 19. Quyền của nhóm cổ đông và cổ đông:

Quyền cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 3% vốn điều lệ bao gồm cả “cổ phần ưu đãi, trừ những cổ phần ưu đãi không có quyền biểu quyết” trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:

1. Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp.

3. Xem và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách cổ đông tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Nghĩa vụ của các cổ đông:

1. Góp đủ số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

2. Cổ đông không được rút vốn của mình dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi họ sở hữu cổ phiếu ưu đãi hoàn lại.

3. Chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.

4. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

5. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát.

6. Bảo vệ tài sản, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh và bí quyết công nghệ của Công ty.

7. Cổ đông là người lao động, sau hơn 1 năm làm việc tại Công ty có nguyện vọng nghỉ việc thì Công ty sẽ đưa ra khỏi danh sách tham gia Bảo hiểm xã hội để nộp ở nơi khác.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác do Pháp luật quy định.

Chương V
MUA LẠI CỔ PHẦN



Điều 21. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức cơ cấu lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá trị định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại Điều này.

Giá cổ phần Công ty phải mua lại theo yêu cầu của Cổ đông theo giá thị trường hoặc giá được HĐQT xác định theo nguyên tắc Quy định tại Điều lệ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nếu không thoả thuận được giá thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo luật định.

Điều 22. Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định dưới đây:

1. Mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định; trong trường hợp khác do HĐQT quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại phải được thông báo đến tận tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông phải gửi Bản chào bán cổ phần đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

4. Khi cổ đông bị chết, nghỉ hưu, chuyển việc và khi cổ đông bị bệnh hiểm nghèo Công ty sẽ mua lại cổ phần của các cổ đông.

5. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình, kể cả cổ phần hoàn lại. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được HĐQT chào bán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Tất cả các cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.



Chương VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 24. Nguyên tắc tổ chức hoạt động.

Công ty Cổ phần Thương mại Nghệ an hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Doanh nghiệp trong phạm vi số vốn Điều lệ của Công ty. Các cổ đông cùng hưởng lợi nhuận, cùng chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp của mình.

Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông, được viết tắt (ĐHĐCĐ)
2. Hội đồng quản trị, được viết tắt (HĐQT)
3. Giám đốc điều hành, được viết tắt (GĐĐH) và Bộ máy giúp việc.
4. Ban kiểm soát, được viết tắt (BKS)

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ĐHĐCĐ

Điều 26. Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

ĐHĐCĐ sáng lập (lần đầu) do Ban đổi mới quản lý tại Công ty triệu tập.

ĐHĐCĐ họp ít nhất mỗi năm một lần là kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, khi cần thiết thì tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông

1. Thông qua Báo cáo kết quả tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo Tài chính của Công ty.
2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát; xác định và quy trách nhiệm về những thiệt hại trong sản xuất kinh doanh.
3. Xem xét và xử lý các vi phạm của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty.
4. Quyết định mức cổ tức hàng năm.
5. Quyết định loại cổ phần và số cổ phần từng loại được quyền chào bán.
6. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
7. Quyết định chào bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.
8. Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.
9. Bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty theo đề nghị của HĐQT.
10. Quyết định tổ chức lại Công ty.



11. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Luật định.

Điều 28. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp:

1. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ thường niên phải họp trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu: các thành viên HĐQT vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ quy định tại Điều lệ này; để xem xét, quyết định những vấn đề tranh chấp tố tụng nghiêm trọng và giải quyết các vấn đề khẩn cấp khác nếu không được giải quyết kịp thời thì sẽ phương hại lớn đến Công ty và lợi ích của Cổ đông do HĐQT hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điều 21, khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý được quy định tại Điều lệ.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu nói tại mục 2 và 3 điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường. ĐHĐCĐ họp bất thường trong trường hợp khi số thành viên HĐQT ít hơn 3/4 số thành viên quy định theo Điều lệ.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu tại mục 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT và Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo đúng quy định của Điều lệ này.

Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại.

5. Người có thẩm quyền hoặc trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ mà không triệu tập phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị nội dung họp gồm: lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông; chương trình họp; các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp; thời gian; địa điểm họp

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 3% số cổ phiếu phổ thông liên tục ít nhất trong 6 tháng có quyền: kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ; xem danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

3. Mỗi cổ đông có quyền được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến mình và có quyền yêu cầu sửa đổi, bổ sung những thông tin liên quan đến mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những kiến nghị tại mục 2 Điều này nếu:

- a. Kiến nghị không đủ, không đúng nội dung.
- b. Kiến nghị thiếu căn cứ xác đáng.



- b. Kiến nghị không gửi đến đúng thời hạn.
- c. Nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi giấy mời họp kèm theo chương trình và các tài liệu thảo luận để thông qua quyết định đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ.
- 6. Khi tiến hành đăng ký danh sách cổ đông, Công ty cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ Cổ đông và một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ tên cổ đông, họ tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- 7. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ đồng ý nghị quyết trước, thu số thẻ không đồng ý nghị quyết sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành hay không tán thành một vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc.
- 8. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 9. Cổ đông đến họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia phát biểu và biểu quyết tại cuộc họp, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- 10. Chương trình ĐHĐCĐ phải được thông qua ngay trong phiên khai mạc có xác định rõ chi tiết thời gian từng vấn đề phải thông qua.
- 11. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các vấn đề phát sinh ngoài chương trình họp là quyết định cao nhất.
- 12. Không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông chủ tọa có thể trì hoãn cuộc họp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc địa điểm khác khi:
 - a. Hành vi của những người có mặt cản trở đến trật tự cuộc họp.
 - b. Là cần thiết để công việc của hội nghị được tiến hành một cách hợp lệ.
- Đại hội đồng cổ đông họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.
- 13. Chủ tọa cuộc họp có thể tiến hành các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- 14. ĐHĐCĐ có thể biểu quyết không cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự họp nếu họ không tuân thủ những quy định về kiểm tra đại biểu và quy chế hoạt động của ĐHĐCĐ.

Điều 30. Quyền dự họp ĐHĐCĐ và đại diện được ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.



Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Cổ phần đã chuyển nhượng sau khi lập danh sách cổ đông được quyền dự họp thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp cổ đông theo số cổ phần đã chuyển nhượng.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải lập bằng văn bản theo mẫu chung do HĐQT quy định và phải xuất trình giấy Ủy quyền cho Chủ tọa biết để kiểm tra trước khi khai mạc.

a. Trường hợp là thể nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền;

b. Trường hợp là pháp nhân thì phải được người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu vào Giấy ủy quyền.

3. Ngoài hình thức trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể tham dự họp bằng hình thức gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

Điều 31. Điều kiện và thể thức thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

1. Lá phiếu bầu của người được ủy quyền sẽ có hiệu lực nếu trước khi tiến hành họp Công ty không nhận được thông báo về một trong các sự kiện sau:

a. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền .

b. Người ủy quyền không có khả năng tự chủ hành vi của mình.

c. Người ủy quyền chết

2. Người ủy quyền là Cổ đông nói ở Điều 19 có thể gửi văn bản đề nghị ứng cử hoặc đề cử thông qua người được ủy quyền cho ĐHĐCĐ khi họp.

3. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ:

a. ĐHĐCĐ được tiến hành họp khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 92 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp không đủ số cổ phần cổ đông dự họp thì phải triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp đó tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 75 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp không đủ số cổ phần cổ đông dự họp lần hai thì được triệu tập họp lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, cuộc họp đó luôn được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. ĐHĐCĐ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì người được chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ trì. Trường hợp nếu không phải do HĐQT triệu tập thì người nào triệu tập thì người đó chủ trì cuộc họp.

5. ĐHĐCĐ có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến số đông bằng văn bản.



6. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi phải được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 92% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Đối với các quyết định của ĐHHĐCĐ về: sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại; tổ chức lại, giải thể Công ty, bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng trị giá tài sản ghi trong sổ kế toán Công ty phải được số cổ đông sở hữu ít nhất 95 % số cổ phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

7. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.

8. Các quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo bằng văn bản đến tận cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 32. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 95% số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.

Trước khi lấy ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được phát số phiếu bầu tương ứng với số phiếu biểu quyết của cổ đông. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả ngay sau khi kiểm xong phiếu biểu quyết.

Điều 33. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

HĐQT phải làm các công việc sau:

1. Quyết định các vấn đề lấy ý kiến; hình thức và nội dung lấy ý kiến.
2. Nội dung Phiếu lấy ý kiến ngoài tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty ít nhất phải có: mục đích lấy ý kiến; vấn đề lấy ý kiến và tên các tài liệu gửi kèm thời hạn cuối cùng gửi Phiếu lấy ý kiến về Công ty; Phương án biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”.
3. Gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo cho các cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
4. Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hạn nộp cuối cùng Phiếu lấy ý kiến.



5. Quyết định được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 95% số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Người chủ trì họp ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm thông qua biên bản cuộc họp ngay trước khi cuộc họp kết thúc. Biên bản là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp, phải có các nội dung chủ yếu sau:

1. Thời gian và địa điểm họp.
2. Chương trình làm việc.
3. Chủ tọa và thư ký.
4. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ.
5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua.
6. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
8. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Điều 35. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua trong các trường hợp sau (trừ khi quyết định được thông qua tại ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết):

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ và pháp luật quy định
2. Nội dung quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Chương VIII

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Hội đồng quản trị (HĐQT)

1. **HĐQT là cơ quan quản lý Công ty**, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT không quá 5 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Số lượng thành viên HĐQT là 5 hoặc 7 người do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng phương pháp bỏ phiếu kín. Trong đó, đại diện cho phần vốn nhà nước tương ứng là 3 hoặc 4 người.

3. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.



b. Từ chức.

c. Tự ý rời bỏ trách nhiệm của mình.

4. Bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

5. Số thành viên HĐQT bị giảm trên 1/3 thì phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung trong thời hạn không quá 60 ngày.

Điều 37. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT và chủ tịch HĐQT

1. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT: là người có trình độ chuyên môn, quản lý kinh doanh hoặc là cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu 5% tổng số CP phổ thông.

2. Thành viên HĐQT cố thể không phải là cổ đông của Công ty.

3 Người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp do người đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp giới thiệu.

2. Tiêu chuẩn của Chủ tịch HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT.

b. Ngoài những tiêu chuẩn phải có đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT còn phải có uy tín và khả năng tập hợp, có trình độ chính trị và trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và khả năng quản lý, tổ chức, điều hành Công ty, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển, đảm bảo mức cổ tức tối thiểu theo phương án cổ phần hoá đã phê duyệt cho các cổ đông, ổn định đời sống cho người lao động; gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

1. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty.
2. Quyết định giải pháp phát triển thị trường; tiếp thị và công nghệ.
3. Quyết định phương án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trên mức đó phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.

4. HĐQT được quyền thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị không quá 50% giá trị tài sản của Công ty được ghi trên sổ sách kế toán của quý đã quyết toán gần nhất, trên mức đó phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.

5. Nghe báo cáo của Giám đốc Công ty về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT giao cho Giám đốc công ty thực hiện.

6. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phiếu được quyền chào bán từng loại.

7. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định huy động vốn theo hình thức khác.

8. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

9. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.

10. Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt nam, ngoại tệ và vàng.

11. Góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp khác.



12. Xem xét giải quyết việc thừa kế, chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Điều lệ này.

13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ.

14. Triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định.

15. Báo cáo trước ĐHĐCĐ: Quyết toán tài chính hàng năm; Phương án nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; Phương thức huy động vốn, tăng giảm vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu, trái phiếu; Phương án đầu tư liên doanh.

16. Kiến nghị mức cổ tức được trả, thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

17. Bầu Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT và bầu Phó Chủ tịch HĐQT theo giới thiệu của Chủ tịch HĐQT với đa số phiếu theo thể thức bỏ phiếu kín.

18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc công ty, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

19. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của cán bộ thuộc quyền bổ nhiệm của HĐQT.

20. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế điều hành quản lý nội bộ Công ty.

21. Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc, Chi nhánh, Phòng, Ban, Ban đại diện Công ty trong và ngoài nước theo đúng quy định của luật pháp.

22. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng: hợp đồng lao động, phương án tiền lương, tiền thưởng.

23. Kiến nghị tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

24. Trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

25. Nghe và giải quyết các vấn đề của Ban kiểm soát báo cáo.

26. Các thành viên HĐQT khi thực thi nhiệm vụ không được Ủy quyền cho người khác.

27. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình HĐQT phải tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ. Nếu quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên thông qua quyết định đó phải liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty ít nhất 1 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định trên của HĐQT.

Điều 39. Hoạt động của HĐQT.

1. HĐQT họp thường kỳ mỗi quý một lần, do Chủ tịch HĐQT triệu tập.

2. Khi cần thiết HĐQT họp bất thường theo một trong các trường hợp sau:

a. Theo Giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

b. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty hoặc ít nhất 5 thành viên quản lý khác.

c. Có đề nghị ít nhất của 2 thành viên HĐQT.



Đề nghị phải lập thành văn bản nêu rõ mục đích vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Các phiên họp HĐQT do Chủ tịch HĐQT chủ toạ, nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên chấp thuận.

4. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp và quyết định theo đa số phiếu. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Nếu số phiếu ngang nhau thì Quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Những vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản, để thông qua quyết định phải có ý kiến thống nhất của ít nhất 3/4 thành viên.

5. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Tất cả các phiên họp HĐQT được ghi đầy đủ vào Sổ biên bản họp HĐQT và phải có chữ ký của Chủ toạ, Thư ký phiên họp và các thành viên HĐQT tham dự họp. Biên bản họp HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và có các nội dung sau:

- a. Thời gian và địa điểm họp.
- b. Họ và tên thành viên tham dự.
- c. Nội dung chương trình họp.
- d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại cuộc họp.
- đ. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết; kết quả biểu quyết.
- e. Các quyết định được HĐQT thông qua.
- g. Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả các thành viên dự họp.

Chủ toạ và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT

6. Các bản sao biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

7. Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên HĐQT được mời tham gia ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

Điều 40. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc điều hành.
2. Chủ tịch HĐQT có quyền và nhiệm vụ.
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - b. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu cuộc họp, triệu tập và chủ toạ cuộc họp HĐQT.
 - d. Tổ chức thông qua quyết định của HĐQT dưới các hành thức khác.
 - đ. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - e. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
 - g. Chủ toạ họp ĐHĐCĐ.



h. Thay mặt HĐQT ký các quyết định của của HĐQT và ký các Cổ phiếu, Trái phiếu của Công ty.

i. Phụ cấp của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo Quy chế trả lương của Doanh nghiệp.

Điều 41. Nhiệm vụ và quyền của các thành viên HĐQT

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ được giao.
2. Trung thành với quyền lợi của Công ty.
3. Không được hành động vượt quá quyền hạn do Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.
4. Phụ cấp của thành viên HĐQT thực hiện theo quy chế trả lương của Doanh nghiệp.
5. Chi phí cho HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty.
6. Vợ, chồng, con, anh chị em ruột của thành viên HĐQT không được làm Kế toán trưởng Công ty.
7. Quyền được cung cấp thông tin. Cán bộ quản lý của Công ty và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ kịp thời và chính xác các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Chương IX

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 42. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc công ty có thể là thành viên HĐQT hoặc thuê người khác. Giám đốc công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 5 năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý DN tại khoản 2 điều 13 Luật Doanh nghiệp.

b. Phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Công ty hoặc là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông.

2. Giám đốc Công ty có quyền và trách nhiệm.

2.1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần có quyết định của HĐQT.

2.2. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư;

2.4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức.



3. Giám đốc Công ty được ký hợp đồng mua bán, vay, cho vay (trừ các hợp đồng nói tại khoản 1 điều này) trị giá dưới 10% trị giá tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất. Trên mức đó phải được HĐQT thông qua.

Điều 44. Bộ máy giúp việc Giám đốc công ty :

Giúp việc Giám đốc Công ty có một đến ba Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng Phó phòng, Ban Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Tổ trưởng kế toán các đơn vị trực thuộc và được bổ nhiệm theo các tiêu chuẩn sau:

1. Có trình độ trung cấp trở lên hoặc có kinh nghiệm và năng lực quản lý sản xuất kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tư cách đạo đức và sức khỏe tốt.

Điều 45. Ủy quyền

1. Giám đốc Công ty có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó giám đốc Công ty, Trưởng phòng, ban, Giám đốc Xí nghiệp hay một cá nhân khác thay mặt mình giải quyết một công việc nhất định của Công ty nhưng Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước HĐQT về sự ủy quyền đó.

2. Người được Giám đốc Công ty ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình được ủy quyền.

3. Các Trưởng phòng, ban, Giám đốc các Xí nghiệp phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về những công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng, Ban, Xí nghiệp mà mình phụ trách.

4. Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ của Công ty.

Điều 46. Thư ký Công ty.

Căn cứ tình hình cụ thể, HĐQT thống nhất với Giám đốc công ty cử một đến hai Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:

1. Chuẩn bị nội dung và thể thức các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban kiểm soát theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng Ban kiểm soát theo đúng Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

2. Ghi biên bản các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT.

3. Tư vấn pháp lý và thủ tục các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và cách thức thông qua các quyết định.

4. Cung cấp thông tin cần thiết cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo lệnh của Chủ tịch HĐQT.

Điều 47. Chế độ lưu giữ tài liệu văn thư và sử dụng con dấu của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật giao cho các phòng ban liên quan lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính Văn phòng Công ty:

a. Điều lệ TCHĐ Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý và điều hành nội bộ Công ty, Sổ đăng ký Cổ đông.



- b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận bổ sung/thay đổi đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
 - c. Văn bản, Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
 - d. Biên bản họp ĐHĐCĐ; HĐQT; các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đã được thông qua.
 - đ. Bản Cáo bạch để phát hành Chứng khoán.
 - e. Báo cáo của Ban Kiểm soát; Kết luận của cơ quan thanh tra; Kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
 - g. Sổ kế toán; Chứng từ kế toán; Báo cáo tài chính hàng năm.
 - h. Các bản kê khai công khai hoá các lợi ích có liên quan của các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty.
 - i. Hình thức lưu giữ có thể là văn bản, đĩa mềm, đĩa cứng và các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật về kế toán và thống kê.
2. Con dấu là tài sản của Doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm quản lý và có quy định bằng văn bản cụ thể.
3. Thời hạn bảo quản, lưu trữ các hồ sơ tài liệu theo đúng quy định của pháp luật.

Chương X

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 48. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty:

- 1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực và miễn cưỡng vì lợi ích Công ty và các Cổ đông của Công ty.
- 2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản Công ty cho người khác.
- 3. Không tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp làm theo lệnh của Chủ tịch HĐQT.
- 4. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
 - a. Thông báo tình hình tài chính cho tất cả chủ nợ biết theo lệnh của HĐQT;
 - b. Không được tăng lương; không được trả thưởng cho người lao động và người quản lý.
 - c. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
- 5. Người quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình kể cả do năng lực chuyên môn và thiếu ý thức trách nhiệm làm phương hại đến lợi ích Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại thực tế do mình gây ra.



Điều 49. Người quản lý phải kê khai các lợi ích có liên quan của mình với Công ty theo các nội dung sau:

+ Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà bản thân họ có sở hữu phần vốn góp hoặc góp vốn cổ phần, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

+ Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ theo đúng Luật doanh nghiệp.

Các bản kê khai này được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty cổ phần. Thành viên HĐQT, Ban KS, Giám đốc công ty có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết.

Điều 50. Bồi thường thiệt hại:

Công ty sẽ bồi thường thiệt hại vật chất cho những người trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (kể cả dân sự, hành chính) nếu người đó là thành viên HĐQT, Giám đốc công ty, cán bộ quản lý, nhân viên Công ty hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty làm việc theo yêu cầu của Công ty và vì lợi ích của Công ty.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép với điều kiện là người đó hành động trung thực miễn cưỡng, cẩn thận vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Chương XI

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát Công ty do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. BKS phải có ít nhất 1 thành viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ với HĐQT. Số lượng thành viên BKS là ba người;

2. Trưởng BKS do các thành viên BKS bầu trong số các thành viên BKS.

3. Phụ cấp của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế trả lương của Doanh nghiệp.

4. Tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm soát:

a. Trung thành, gắn bó với Công ty và Cổ đông của Công ty.



b. Có năng lực, có kinh nghiệm về nghiệp vụ, có kiến thức ngành nghề về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hiểu biết pháp luật liên quan đến điều hành và quản trị Doanh nghiệp.

5. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Những người giữ các chức vụ quản lý Công ty.

b. Vợ, chồng, bố, mẹ, anh chị em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó giám đốc Công ty và Kế toán trưởng;

c. Những người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đang chấp hành hình phạt của Tòa án.

Điều 52. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công công việc cho kiểm soát viên.

2. Được quyền cung cấp thông tin. HĐQT, GD Công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính, ghi chép lưu giữ chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác.

Việc kiểm tra không được gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thành viên BKS không được tiết lộ bí mật của Công ty.

4. Thẩm định báo cáo Tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 3 % cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng và khi BKS xét thấy cần thiết.

5. Định kỳ hàng quý báo cáo với HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh; tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận lên ĐHĐCĐ.

6. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và những ưu khuyết điểm trong quản lý tổ chức hoạt động của HĐQT và Giám đốc Công ty theo ý kiến độc lập của mình.

7. Kiến nghị biện pháp sửa đổi bổ sung cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

8. Tham dự các cuộc họp HĐQT khi được mời, có quyền tham gia ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết. Có quyền đề nghị đưa ý kiến của mình vào biên bản phiên họp khi cần thiết và báo cáo trực tiếp trước ĐHĐCĐ.

9. Khi cần thiết, BKS có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

10. Thi hành chức trách giám sát của mình một cách trung thực theo Điều lệ Công ty. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.



11. BKS được đảm bảo các chi phí cần thiết và được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

12. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 53. Từ chức và bãi miễn

1. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi Trưởng BKS và đề nghị ĐHĐCĐ gần nhất xem xét và chấp thuận từ chức.

2. Thành viên BKS có sai phạm khuyết điểm không còn đủ tín nhiệm thì BKS đề nghị với HĐQT biết để trình kỳ ĐHĐCĐ gần nhất bãi miễn và bầu bổ sung. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét miễn nhiệm Ban kiểm soát và bầu Ban kiểm soát mới.

Chương XII

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRẢ CỔ TỨC

Điều 54. Chế độ kế toán, thống kê.

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo Luật kế toán, Luật thống kê và các văn bản pháp quy hiện hành.

3. Khi cần thiết thực hiện kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phải phản ánh chính xác, trung thực.

5. Cuối mỗi năm tài chính, HĐQT xem xét thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ. Các báo cáo này gửi cho các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát trước khi họp ĐHĐCĐ ít nhất là 15 ngày.

6. Các báo cáo tài chính của Công ty phải được Ban kiểm soát kiểm tra trước khi gửi đến cơ quan chức năng Nhà nước và công bố công khai.

Điều 55. Phân phối lợi nhuận.

1. Lợi nhuận của Công ty là thu nhập còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ chi phí, thuế VAT và các khoản nộp khác.

2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân chia cổ tức và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Mức trích lập hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.

3. Trường hợp Công ty bị lỗ thì ĐHĐCĐ có thể giải quyết theo hai phương pháp sau:

-Trích từ quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.

-Chuyển một phần lỗ sang năm sau.



Điều 56. Cổ tức

1. Mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ quyết định.

2. Mức cổ tức:

a. Mức cổ tức cao: là mức cổ tức cao hơn mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố.

b. Mức cổ tức bình thường là mức cổ tức bằng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố.

c. Mức cổ tức thấp là mức cổ tức thấp hơn mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố.

d. Mức cổ tức không bình thường là mức cổ tức bằng không và âm.

3. Cách phân chia cổ tức:

Cổ tức được phân chia từ lợi nhuận sau thuế do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.

4. Khi hoạt động kinh doanh tạo ra cổ tức cao HĐQT có thể quyết định cho tạm ứng tiền cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả phù hợp với khả năng sinh lời.

5. Khi xét thấy hoạt động sản xuất kinh doanh quá 6 tháng có dấu hiệu khó khăn có thể dẫn đến mức cổ tức không bình thường thì Giám đốc đề nghị HĐQT cho triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để trưng cầu ý kiến cổ đông và tìm giải pháp khắc phục.

6. Nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận, HĐQT có thể quyết định và thông báo cho cổ đông được quyền lựa chọn mua cổ phần phổ thông thay cho cổ tức tiền mặt.

Chương XIII

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ

Điều 57. Chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH) và Bảo hiểm y tế (BHYT)

Người lao động có xác định thời hạn và không xác định thời hạn làm việc trong công ty được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và được hưởng mọi quyền lợi theo chế độ theo hiện hành.

Điều 58. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng

1. Người lao động được hưởng lương, tiền thưởng và được xét nâng lương trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của mình, theo Quy chế trả lương của Công ty nhưng không trái với quy định của Nhà nước.

2. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho HĐQT, Ban giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh theo quy chế tiền lương của DN.

3. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng theo ngày công cần thiết và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT tính mức thù lao cho mỗi thành viên



theo nguyên tắc nhất trí. Thành viên HĐQT được quyền thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty được trả lương và thưởng do HĐQT quyết định theo Quy chế tiền lương của Doanh nghiệp.

Điều 59. Mua cổ phần ưu đãi lần đầu

Người lao động được mua Cổ phần ưu đãi mỗi năm công tác trong khu vực nhà nước là 10 cổ phần với giá giảm 30%. Trị giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng.

Người lao động nghèo được mua chịu Cổ phần ưu đãi, được hoãn trả trong 3 năm đầu và trả dần tối đa trong 7 năm tiếp theo không phải chịu lãi suất.

Điều 60. Chấp hành Điều lệ, Quy chế nội bộ

Các cổ đông và người lao động phải chấp hành đầy đủ Điều lệ; Nội quy, Quy chế quản lý, điều hành nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật. Nếu vi phạm thì bị xử lý theo quy định Bộ Luật lao động và Quy chế của Công ty.

Chương XIV **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Điều 61. Báo cáo hàng năm

1. Công ty chuẩn bị báo cáo hàng năm theo quy định của Điều lệ cũng như các quy định của Bộ tài chính.

2. Báo cáo hàng năm bao gồm:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính.

b. Bản cân đối kế toán trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty của năm tài chính.

3. Các cổ đông Công ty quan tâm sẽ được sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được công bố trước ĐHĐCĐ. Việc sao chụp được thực hiện tại Văn phòng Công ty trong giờ làm việc, người nhận tài liệu phải chịu chi phí.

Điều 62. Công bố thông tin

Các báo cáo tài chính hàng năm phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, Công ty đăng báo địa phương hoặc báo trung ương 3 số liên tiếp.



Chương XV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết khiếu nại

1. Mọi cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân mình.
2. Tranh chấp phải được giải quyết thông qua Ban hòa giải bộ phận trực tiếp có liên quan trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu hòa giải không thành thì người phụ trách bộ phận đó phải báo cáo với Công ty để có hướng giải quyết trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Nếu Công ty hòa giải không thành thì cổ đông có quyền khiếu nại lên cấp trên có thẩm quyền.
3. Mọi khiếu nại liên quan đến cổ phần của Công ty do HĐQT giải quyết.
4. Mọi khiếu nại liên quan đến Hợp đồng lao động thì do Giám đốc Công ty giải quyết, nếu không thoả đáng thì người khiếu nại có quyền đề nghị HĐQT giải quyết.
5. Mọi kiện tụng, tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các tổ chức kinh tế khác được giải quyết tại toà kinh tế có thẩm quyền.

Chương XVI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 64. Tổ chức lại:

Công ty có thể tiến hành tổ chức lại theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại Điều 31 khoản mục 6 với các hình thức sau:

1. Chia doanh nghiệp: Công ty có thể được chia thành một số Công ty cùng loại. Thủ tục chia Công ty như sau:

- a. ĐHĐCĐ là cơ quan tối cao có quyền quyết định chia Công ty và thông qua quyết định về phương án chia tài sản, sử dụng lao động; chuyển đổi vốn góp, cổ phần, trái phiếu, quyền và nghĩa vụ của các Công ty bị chia.
- b. Các Cổ đông các Công ty mới thông qua Điều lệ, bầu HĐQT, Giám đốc điều hành và BKS. Tiến hành đăng Ký kinh doanh.
- c. Sau khi Đăng ký kinh doanh các Công ty mới, Công ty cũ bị chia chấm dứt tồn tại.

2. Tách doanh nghiệp: Công ty có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản hiện có của Công ty để lập một hoặc một số Công ty mới cùng loại chuyển một phần quyền và nghĩa vụ của Công ty bị tách sang Công ty được tách mà không chấm dứt tồn tại của Công ty bị tách. Thủ tục tách Công ty như sau:

- a. ĐHĐCĐ là cơ quan tối cao có quyền quyết định tách Công ty và thông qua quyết định về phương án tách tài sản, sử dụng lao động; chuyển đổi vốn góp, cổ phần, trái phiếu, quyền và nghĩa vụ của các Công ty bị tách sang các Công ty được tách.



b. Các Cổ đông các Công ty được tách mới thông qua Điều lệ, bầu HĐQT, Giám đốc điều hành và BKS. Tiến hành đăng Ký kinh doanh;

3. Hợp nhất Doanh nghiệp.

4. Sáp nhập Doanh nghiệp.

Điều 65. Giải thể: Công ty cổ phần giải thể trong các trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- b. Không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo Luật doanh nghiệp.
- c. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 66. Phá sản

Khi Công ty bị thua lỗ, sau khi đã áp dụng mọi biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ thì thực hiện phá sản theo Luật phá sản.

Điều 67. Thanh lý

Khi Công ty có quyết định giải thể, phá sản ĐHĐCĐ cử Ban thanh lý để thay thế HĐQT; Ban thanh lý cùng với Ban kiểm soát tiến hành thanh lý Công ty theo thời hạn quy định hiện hành.

Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :

1. Các chi phí thanh lý.
2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm của CBCNV.
3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
4. Các khoản vay (nếu có).
5. Các khoản nợ khác của Công ty.
6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản trên sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp của các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XVII
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Thệ thức bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ xem xét quyết định thông qua theo đề nghị của HĐQT theo đúng quy định tại Điều 31 khoản mục 6.

Điều 69. Điều khoản mặc định của Điều lệ

Những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc khi có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó mặc nhiên được áp dụng. Những điểm bổ sung đó phải được đưa vào điều lệ trong kỳ ĐHĐCĐ kế tiếp gần nhất.



Chương XVIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Điều khoản thi hành:

Bản Điều lệ này gồm 18 Chương, 70 điều được toàn thể Cổ đông sáng lập nhất trí thông qua toàn bộ lời văn ngày 30 tháng 12 năm 2004 tại ĐHĐCĐ sáng lập Công ty cổ phần Thương mại Nghệ an và đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại ĐHĐCĐ thường niên 2006, 2007, ĐHĐCĐ nhiệm kỳ II (2008-2012), ĐHĐCĐ thường niên 2009 và Đại hội ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III năm (2013-2017).

Điều lệ được lập thành 15 bản có giá trị như nhau và được gửi tới:

- UBND tỉnh;
- Sở Công Thương, Sở Tài chính; Sở Kế hoạch vàĐT; Sở Tư pháp;
- Chủ tịch HĐQT; Giám đốc điều hành; TB kiểm soát. TK Cty
- 6 bản chính lưu tại Văn phòng công ty;

Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và có thể được bổ sung sửa đổi sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận theo trình tự quy định trong Điều lệ này.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ của Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch của HĐQT mới có giá trị ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



TRỊNH NGỌC SƠN



MỤC LỤC

Giải thích một số thuật ngữ và chữ viết tắt

Chương I: TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính

Điều 2. Các phòng ban, đơn vị trực thuộc

Điều 3. Thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương II: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu của Công ty

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh

Điều 6. Tổ chức chính trị xã hội của Công ty

Điều 7. Quyền của Công ty

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

Chương III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 9. Vốn điều lệ

Điều 10. Cơ cấu Cổ phần

Điều 11. Cổ đông sáng lập

Điều 12. Cổ phần phổ thông

Điều 13. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu

Điều 14. Cổ phiếu

Điều 15. Chuyển nhượng Cổ phần

Điều 16. Chào bán Cổ phiếu

Điều 17. Cấp lại Cổ phiếu

Chương IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền hạn của cổ đông

Điều 19. Quyền của nhóm cổ đông và cổ đông.

Điều 20. Nghĩa vụ của các cổ đông.

Chương V. MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 21. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Điều 22. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Điều 23. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

Chương VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

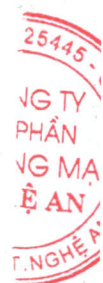
Điều 24. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

Chương VII. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ĐHĐCĐ

Điều 26. Đại hội đồng Cổ đông

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ





Điều 28. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 29. Thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều 30. Quyền dự Đại hội đồng cổ đông và đại diện được Ủy quyền

Điều 31. Điều kiện và thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 32. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 33. Thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 35. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Chương VIII. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HĐQT

Điều 36. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Điều 37. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

Điều 39. Hoạt động của HĐQT

Điều 40. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Điều 41. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT

Chương IX. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC GIÁM ĐỐC CTY

Điều 42. Giám đốc công ty

Điều 43. Quyền hạn của Giám đốc công ty trong việc ký kết HĐKT, HĐ dân sự

Điều 44. Bộ máy giúp việc của Giám đốc công ty

Điều 45. Ủy quyền

Điều 46. Thư ký Công ty

Điều 47. Chế độ lưu trữ văn thư và sử dụng con dấu Công ty

Chương X. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 48. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

Điều 49. Kê khai các lợi ích có liên quan của người quản lý với Công ty.

Điều 50. Bồi thường thiệt hại

Chương XI. QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BKS

Điều 51. Ban kiểm soát

Điều 52. Nhiệm vụ và quyền hạn

Điều 53. Từ chức và bãi miễn

Chương XII. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRẢ CỔ TỨC

Điều 54. Chế độ kế toán, thống kê

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

Điều 56. Trả Cổ tức

Chương XIII. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC THÀNH VIÊN QUẢN LÝ

Điều 57. Chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế



Điều 58. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng

Điều 59. Mua cổ phần ưu đãi lần đầu

Điều 60. Chấp hành Điều lệ; Quy chế nội bộ

Chương XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Điều 61. Báo cáo hàng năm

Điều 62. Công bố thông tin

Chương XV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết khiếu nại

Chương XVI. TỔ CHỨC LẠI; GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 64. Tổ chức lại

Điều 65. Giải thể

Điều 66. Phá sản

Điều 67. Thanh lý

Chương XVII. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Thể thức bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Điều 69. Điều khoản mặc định.

Chương XVIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Điều khoản thi hành

T.C.P.
★